

# THỰC TRẠNG GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

ĐỖ THỊ THANH THỦY\*

Ngày nhận bài: 01/10/2017; ngày sửa chữa: 06/10/2017; ngày duyệt đăng: 08/10/2017.

**Abstract:** This article presents the current situation of educating national culture character for students at ethnic boarding schools in Moc Chau district, Son La province. Research results are the bases for proposing effective solutions to educate awareness of preserving and promoting the national identities in current period.

**Keywords:** Situation, education, national culture character, ethnic boarding school.

## 1. Đặt vấn đề

*Bản sắc văn hóa dân tộc* (BSVHDT), giá trị truyền thống của các dân tộc là những vấn đề căn cốt nhất, nền tảng nhất để làm nên nét riêng của mỗi dân tộc, tạo nên sự khác biệt giữa các dân tộc. Tây Bắc nói chung và Sơn La nói riêng là vùng có văn hoá đa dạng, phong phú, giàu hương sắc và đậm đà bản sắc dân tộc bởi mảnh đất này là nơi hội tụ sinh sống từ lâu đời của 12 dân tộc anh em. Mỗi dân tộc là một cộng đồng, trong đó văn hoá dân tộc là thành phần quan trọng hình thành nên cộng đồng dân tộc.

Hiện nay, Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú (PTDTNT) huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La có số lượng học sinh (HS) tương đương với các trường trung học cơ sở khác trong huyện, đồng thời lại là trường có số lượng HS dân tộc đa dạng nhất. Sống trong môi trường nội trú, HS có điều kiện tiếp xúc với nhiều luồng văn hóa từ xã hội cả tích cực và tiêu cực, nhiều loại văn hóa có sức lôi cuốn mạnh mẽ với giới trẻ nói chung và HS nói riêng, đặc biệt là HS dân tộc thiểu số. Việc tuyên truyền cho các thế hệ HS dân tộc biết tôn trọng, giữ gìn và phát huy BSVHDT luôn luôn được chính gia đình, dòng họ giáo dục. Bên cạnh đó, khi các em đến trường cũng được các thầy cô giáo dục, nên cơ bản các em cũng có ý thức trong việc giữ gìn BSVHDT mình. Tuy nhiên, vẫn có một bộ phận HS chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, mục đích của việc giữ gìn BSVHDT mình. Để có cơ sở cho đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục BSVHDT cho HS ở Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, cần tiến hành khảo sát thực trạng vấn đề này.

## 2. Nội dung nghiên cứu

**2.1. Đối tượng, phương pháp và thời gian nghiên cứu:**

- **Đối tượng:** 48 cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV); 96 phụ huynh học sinh (PHHS) đại diện cho các bậc phụ huynh từ lớp 6-9; 278 HS từ lớp 7-9 của 8 dân tộc đang học tập tại Trường PTDTNT huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- **Phương pháp:** Điều tra bằng phiếu hỏi, xử lý số liệu.

- **Thời gian:** từ tháng 3-5/2017.

## 2.2. Kết quả nghiên cứu

**2.2.1. Nhận thức CBQL, GV, PHHS và HS về hoạt động giáo dục BSVHDT cho HS (bảng 1):**

**Bảng 1. Thực trạng nhận thức CBQL, GV, PHHS và HS về giáo dục BSVHDT cho HS**

STT	Mục đích của giáo dục BSVHDT	Mức độ quan trọng (%)								
		Rất quan trọng			Quan trọng			Không quan trọng		
		CBQL, GV	PHHS	HS	CBQL, GV	PHHS	HS	CBQL, GV	PHHS	HS
1	Phát triển toàn diện cho HS	58,3	64,6	53,2	41,8	35,4	45,3	0	0	1,5
2	Phát triển và hoàn thiện nhân cách cho HS	52,1	64,6	49,6	47,9	35,4	42,2	0	0	8
3	Hình thành tư tưởng, tình cảm cho HS	47,9	55	29,9	52,1	45	58,3	0	0	11,8
4	Tạo nên đức tính và phẩm chất cho HS	56,2	57,3	52,1	43,8	42,7	42,1	0	0	6,8
5	Hình thành cho HS lối sống văn hóa và hành vi ứng xử phù hợp với chuẩn mực xã hội	62,5	33,3	60,4	37,5	63,6	36	0	3,1	3,6
6	HS trở thành con ngoan, trò giỏi, công dân tốt	45,8	34,4	60,8	54,2	65,6	32,3	0	0	6,9
7	HS có ý thức bảo tồn văn hóa dân tộc mình	87,5	80,2	69,8	12,5	17,7	28,8	0	2,1	1,4
8	Phòng, tránh các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan	35,4	32,3	29,9	64,6	67,7	55	0	0	15,1
9	HS có ý thức tự hào về dân tộc sinh ra mình	75	59,4	53,6	35	40,6	41,7	0	0	4,7
10	HS có ý thức bảo vệ môi trường nơi quê hương mình	20,8	19,8	23,7	79,2	80,2	61,9	0	0	14,1

\* Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La

Bảng 1 cho thấy:

- Về CBQL, GV đánh giá: 100% đều đánh giá 10 nội dung *rất quan trọng* và *quan trọng*. Trong đó, có 87,5% cho rằng, giáo dục BSVHDT để “HS có ý thức bảo tồn văn hóa dân tộc mình”; 75% là để “HS có ý thức tự hào về dân tộc sinh ra mình”; 62,5% để “hình thành cho HS lối sống văn hóa và hành vi ứng xử phù hợp với chuẩn mực xã hội”; 58,3% “nhằm phát triển toàn diện cho HS”... được đánh giá là *rất quan trọng*. Về mức độ *quan trọng* thì có 80,2% cho rằng giáo dục BSVHDT giúp cho “HS có ý thức bảo vệ môi trường nơi quê hương mình”; 64,6% “giúp HS phòng tránh các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan”... Ngoài ra, nhờ có giáo dục BSVHDT, HS của trường được phát triển toàn diện, trở thành những công dân có tri thức, có văn hóa. Chất lượng học tập ngày càng được nâng lên. HS tự tin, chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc tìm hiểu, khai thác, sử dụng các giá trị văn hóa trong quá trình học tập. Có thể thấy, việc giáo dục HS giữ gìn BSVHDT thông qua các hoạt động không chỉ góp phần nâng cao ý thức cho HS mà còn tạo được không khí thoải mái cho HS khi học tập, góp phần tích cực vào việc đẩy mạnh phong trào “xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

- Về PHHS đánh giá: Đánh giá ở mức *rất quan trọng* có 80,2% PHHS đồng tình với nội dung giáo dục BSVHDT là để “HS có ý thức bảo tồn văn hóa dân tộc mình”; 64,6% là nhằm “phát triển toàn diện và hoàn thiện nhân cách cho HS”. Đây là cơ sở tốt để nhà trường phối hợp với PHHS trong việc giáo dục BSVHDT cho con em các đồng bào dân tộc thiểu số.

Bên cạnh đó, vẫn có không ít người chưa nhận thức đúng, chưa đồng tình với việc cần quan tâm đến giáo dục BSVHDT trong công tác giáo dục, phát triển toàn diện HS. Cụ thể: với 3,1% ý kiến cho rằng, giáo dục BSVHDT nhằm “phát triển lối sống văn hóa và hành vi ứng xử phù hợp với chuẩn mực xã hội cho HS” là *không quan trọng*; 2,1% cho rằng *không quan trọng* với việc giáo dục BSVHDT là “để HS có ý thức bảo tồn văn hóa dân tộc mình”. Đây cũng là một nội dung nhà trường cần chú ý tuyên

truyền để PHHS nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc gìn giữ BSVHDT, để từ đó có sự đồng thuận với nhà trường trong việc triển khai thực hiện; giáo dục HS lòng tự hào về BSVHDT, không tự ti mặc cảm, tạo động cơ học tập sôi nổi, tích cực.

- Về HS đánh giá: Ở mức đánh giá *rất quan trọng* có 69,8% các em được khảo sát đồng tình với quan điểm giáo dục BSVHDT là để “HS có ý thức bảo tồn văn hóa dân tộc mình”; 60,4% có ý kiến để “hình thành lối sống văn hóa và hành vi ứng xử phù hợp với chuẩn mực xã hội cho HS”. Bên cạnh đó, vẫn còn có HS chưa nhận thức đúng khi cho rằng các nội dung sau là *không quan trọng*: 8% với nội dung “phát triển và hoàn thiện nhân cách cho HS”; 15,1% với nội “phòng tránh các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan không quan trọng”; cá biệt có 1,4% cho rằng giáo dục BSVHDT để giúp “HS có ý thức bảo tồn văn hóa dân tộc mình” là *không quan trọng*; 11,8% với “hình thành tư tưởng, tình cảm cho HS”; 14,4 % với “có ý thức bảo vệ môi trường nơi quê hương mình”; 3,6% với “hình thành lối sống văn hóa và hành vi ứng xử phù hợp với chuẩn mực xã hội cho HS” là *không quan trọng*.

2.2.2. Mức độ GV triển khai giáo dục BSVHDT cho HS (bảng 2):

Bảng 2. Kết quả mức độ GV triển khai các nội dung giáo dục BSVHDT cho HS

STT	Nội dung giáo dục BSVHDT	Mức độ cần thiết (%)								
		Rất cần thiết			Cần thiết			Không cần thiết		
		CBQL, GV	PHHS	HS	CBQL, GV	PHHS	HS	CBQL, GV	PHHS	HS
1	Yêu thương gia đình, quê hương, yêu dân tộc và đất nước	91,7	80,2	76,9	8,3	19,8	23,1	0	0	0
2	Khiêm tốn, thật thà, cần cù, sáng tạo, có ý chí vươn lên	52,1	64,6	61,5	47,9	35,4	30,8	0	0	7,7
3	Tinh thần đoàn kết, có ý thức cộng đồng	72,9	69,8	57,7	27,1	30,2	38,5	0	0	3,8
4	Truyền thống văn hóa, ý thức cộng đồng	83,3	73	65,4	16,7	25	26,9	0	0	7,7
5	Dạy chữ viết, tiếng nói dân tộc cùng với tiếng phổ thông	54,2	37,5	42,3	45,8	59,4	46,2	0	3,1	11,5
6	Quan điểm đúng đắn về tình bạn, tình yêu	18,7	34,4	26,9	81,3	65,6	57,5	0	0	15,4
7	Bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi trường	14,6	45,8	34,6	85,4	54,8	46,2	0	0	19,2
8	Phòng tránh các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan	66,7	55,2	53,9	33,3	44,8	46,1	0	0	0
9	Văn hóa ứng xử, giao tiếp	54,2	56,2	53,8	45,8	44,8	42,4	0	0	3,8

*Bảng 2* cho thấy, tất cả đối tượng tham gia khảo sát đều đánh giá các nội dung là *cần thiết và rất cần thiết*. Các nội dung được đánh giá ở mức *rất cần thiết* với tỉ lệ cao là: 91,9% ý kiến của CBQL, GV; 80,2% ý kiến của PHHS và 76,9% ý kiến của HS là đồng ý với nội dung giáo dục BSVHDT cho HS PTDTNT để tăng thêm tình “yêu thương gia đình, quê hương, yêu dân tộc và đất nước”, để “giữ gìn truyền thống văn hóa, ý thức cộng đồng” với 83,3% ý kiến của CBQL, GV; 73% có ý kiến của PHHS và 65,4% ý kiến của HS là *rất cần thiết và cần thiết*. Giáo dục BSVHDT để “phòng tránh các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan và tạo nên nét đẹp trong văn hóa ứng xử, giao tiếp” có trên 53,9% ý kiến của CBQL, GV; PHHS và HS đồng ý là *rất cần thiết*. Song bên cạnh đó, về phía HS, vẫn có ý kiến là *không cần thiết* ở các nội dung như: “Khiêm tốn, thật thà, cần cù, sáng tạo, có ý chí vươn lên” và “truyền thống văn hóa, ý thức cộng đồng” với 7,7% ý kiến; “bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi trường” với 19,2% ý kiến; “quan điểm đúng đắn về tình bạn, tình yêu” với 15,4%; “dạy chữ viết tiếng nói dân tộc cùng với tiếng phổ thông” với 11,5% ý kiến. Cho nên đây cũng là một vấn đề cần lưu ý trong quá trình giáo dục nhận thức cho HS để giúp các em có cái nhìn đúng đắn và toàn diện hơn nữa về nội dung giáo dục BSVHDT có tác dụng đối với HS trong việc hoàn thành nhân cách.

*2.2.3. Mức độ thực hiện của GV và thái độ tham gia của HS trong các hình thức giáo dục BSVHDT cho HS (bảng 3):*

*Bảng 3. Mức độ thực hiện của GV và thái độ tham gia của HS trong các hình thức giáo dục BSVHDT cho HS*

STT	Hình thức giáo dục BSVHDT	Mức độ thực hiện (%)			Thái độ tham gia (%)		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không sử dụng	Rất thích	Thích	Không thích
1	Thông qua các giờ dạy văn hóa trên lớp	0	52,1	47,9	0	20,8	79,2
2	Thông qua các bài giảng giáo dục công dân	0	62,5	37,5	0	31,2	68,8
3	Thông qua các buổi sinh hoạt trên lớp và Đoàn Thanh niên	0	60,4	39,6	0	35,4	64,6
4	Thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí	0	75	25	0	77,1	22,9
5	Thông qua các hoạt động tình nguyện, từ thiện	0	56,3	43,7	0	20,8	79,2
6	Thông qua dã ngoại, tham quan	0	54,2	45,8	0	43,7	56,3
7	Thông qua tìm hiểu bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán của các dân tộc	0	66,7	33,3	0	47,9	52,1
8	Thông qua các hoạt động khác	0	12,5	87,5		11,45	77,56

*Bảng 3* cho thấy: Không có nội dung nào được đánh giá ở mức *thường xuyên và rất thích*.

- *Về mức độ thực hiện của GV:* Thực hiện ở mức độ *thỉnh thoảng* được đánh giá chủ yếu dao động từ 52,1-75%, chỉ duy nhất nội dung “Thông qua các hoạt động khác” là rất thấp với 12,5%; trong đó, nội dung được đánh giá cao nhất là “Thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí” với 75%. Chính việc chưa tổ chức một cách thường xuyên, đa dạng các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục BSVHDT cho HS nên dẫn đến thái độ, tình cảm cho các em có thái độ tham gia yêu thích chưa nhiều.

- *Về thái độ tham gia của HS:* HS đánh giá chủ yếu ở mức *không thích*, trong đó có đến 79,2% HS đánh giá giáo dục BSVHDT “thông qua các giờ dạy văn hóa trên lớp”; 68,8% “thông qua các bài giảng giáo dục công dân”, 77,56% “thông qua các hoạt động khác”, 52,1% “thông qua tìm hiểu bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán của các dân tộc”... Đó cũng chính là việc lựa chọn hình thức tổ chức chưa phù hợp, mức độ chưa thường xuyên. Vậy làm thế nào để tất cả HS phải hứng thú, yêu thích các hoạt động giáo dục BSVHDT? Đó cũng chính là sự trăn trở của người quản lí trong trường PTDTNT làm thế nào để thu hút được các em HS có thái độ tích cực khi tham gia các hoạt động trong đó có lồng ghép giáo dục BSVHDT? Làm thế nào để mỗi GV công tác ở trường có thể hiểu và “truyền lửa” cho HS của mình tiếp tục giữ gìn BSVHDT trong thời kì hội nhập?

*2.2.4. Mức độ GV sử dụng các phương pháp giáo dục BSVHDT cho HS (bảng 4):*

*Bảng 4. Mức độ GV sử dụng những phương pháp để giáo dục BSVHDT cho HS*

STT	Phương pháp	Mức độ (%)		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa sử dụng
1	Giáo dục lồng ghép qua các môn học	61,2	30,5	8,3
2	Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp	62,9	31,1	0
3	Nêu gương cá nhân, tập thể, có hành vi tốt hay chưa tốt trong hoạt động giữ gìn BSVHDT	29,9	70,1	0
4	Khen thưởng, kỉ luật kịp thời	69,1	19,1	11,8
5	Thực hiện thông qua tổ chức các cuộc thi, tìm hiểu theo chủ đề	50	50	0
6	Nhắc nhở, động viên	76,6	23,4	0
7	Giao lưu văn hóa giữa HS các dân tộc ở địa phương	65,1	34,6	0
8	Tìm hiểu bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán của các dân tộc ở địa phương	46	54	0

Bảng 4 cho thấy, phương pháp “Nhắc nhở, động viên” được HS đánh giá là sử dụng thường xuyên nhất với 76,6%; phương pháp ít được sử dụng nhất là “Nêu gương cá nhân, tập thể, có hành vi tốt hay chưa tốt trong hoạt động giữ gìn BSVHDT” với 70,1% ở mức *thỉnh thoảng*, còn lại là *thường xuyên*. Đặc biệt, dù có 61,2% HS đánh giá nội dung “Giáo dục lồng ghép qua các môn học” và 69,1% HS đánh giá nội dung “Khen thưởng, kỉ luật kịp thời” là *thường xuyên* nhưng lại có 8,3% và 11,8% tương ứng cho 2 nội dung này được đánh giá là *chưa sử dụng*. Đây là một yếu tố làm cơ sở cho Ban lãnh đạo nhà trường cần chú ý điều chỉnh trong kế hoạch chỉ đạo phối hợp các lực lượng giáo dục trong việc thực hiện nhiệm vụ hoạt động giáo dục BSVHDT cho HS.

2.2.5. Hành vi của HS đối với việc giữ gìn BSVHDT (bảng 5):

Bảng 5. Mức độ biểu hiện hành vi của HS đối với việc giữ gìn BSVHDT

STT	Biểu hiện hành vi	Mức độ					
		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Không muốn học tiếng chữ viết của dân tộc mình	28	10,1	156	56,1	94	33,8
2	Không mặc quần áo dân tộc mình	63	22,7	177	63,7	38	13,6
3	Không hòa nhập với bạn cùng dân tộc trong sinh hoạt hàng ngày ở khu nội trú	22	7,9	122	43,8	134	48,3
4	Hay đua đòi, ăn chơi lười học tập	20	7,2	13	4,7	245	88,1
5	Có biểu hiện thiếu tôn trọng người dân tộc khác	22	7,9	75	27	181	65,1
6	Không dám nhận mình là người dân tộc ít người	13	4,7	108	38,8	157	56,5

Bảng 5 cho thấy, hành vi “Không mặc quần áo dân tộc mình” được HS đánh giá là *thường xuyên* nhất với 63%; tiếp đó là hành vi “Không muốn học tiếng chữ viết của dân tộc mình” (28%), chỉ có 33,8% HS muốn học tiếng viết của dân tộc mình. Điều đó dẫn đến việc bảo tồn, phát huy tiếng nói và chữ viết của đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn.

Với tính cách, môi trường sống do các em có đặc tính sống “khép mình”, nếu không có các hoạt động để tạo điều kiện cho các em vui chơi, hoạt động tập thể thì việc hòa nhập với các bạn cùng dân tộc trong các sinh hoạt hàng ngày ở khu nội trú còn hạn chế. Cụ thể: có 7,9% HS *thường xuyên* không muốn hòa nhập và 43,8% HS *thỉnh thoảng* không muốn hòa nhập với bạn cùng dân tộc trong các sinh hoạt hàng ngày ở khu nội trú và chỉ có 48,3% *thường xuyên* muốn hòa

nhập với bạn cùng dân tộc, vẫn còn 7,9% HS có biểu hiện thiếu tôn trọng người dân tộc khác, 38,8 % HS *thỉnh thoảng* không nhận mình là người dân tộc ít người. Đây cũng là một vấn đề GV cần quan tâm, bởi vì nếu không chú ý điểm này sẽ dễ làm cho HS có cách sống xa cách, dễ xảy ra mất đoàn kết giữa các HS cùng dân tộc và giữa HS dân tộc này với dân tộc khác. Các hành vi hay đua đòi, ăn chơi, lười học tập, vi phạm nội quy nề nếp vẫn còn xảy ra với 7,2% HS *thường xuyên* vi phạm như: uống rượu, bia, gây gổ đánh nhau... Những biểu hiện lệch lạc này cần được khắc phục bằng các biện pháp hiệu quả hơn để giáo dục nâng cao nhận thức đúng đắn cho các em.

### 3. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy, vẫn còn không ít CBQL, GV, PHHS chưa quan tâm sâu sát đến hoạt động giáo dục BSVHDT cho HS trong nhà trường; vẫn còn một bộ phận không nhỏ HS chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, mục đích của việc giữ gìn BSVHDT mình. Biểu hiện cụ thể như: các em vẫn nghĩ rằng mọi phong tục tập quán của dân tộc mình từ xưa cho đến nay luôn đúng nên không có sự chất lọc để phù hợp với thời đại ngày nay; có em thì mang tâm lí tự ti “dân tộc”, không muốn nhận mình là người dân tộc thiểu số, ngại mặc trang phục của dân tộc mình, thích trang phục theo một hiện đại; một bộ phận HS là con em đồng bào dân tộc thiểu số, kể cả một số người trưởng thành đã “quên” hoặc ít sử dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình, ít sử dụng những làn điệu dân ca, những điệu múa, điệu xòe của dân tộc mình; xu hướng không thiết tha, mặn mà với các hoạt động văn hóa dân gian truyền thống, bản sắc văn hoá của mỗi tộc người, hay sự đồng hóa tự nhiên theo xu hướng “Kinh hóa” là một thực trạng khó cưỡng nổi trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Từ thực trạng này, nhà trường cần có kế hoạch đề xuất các biện pháp hiệu quả nhằm giữ gìn và phát huy BSVHDT cho HS trong thời gian tới. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Quốc Bảo - Nguyễn Thị Thu Huyền (2013). *Một số vấn đề lí luận và thực tiễn về quản lí trường phổ thông dân tộc nội trú*. Dự án Phát triển giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp. NXB Văn hóa - Thông tin.
- [2] Trần Thị Minh Huệ (2009). *Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho sinh viên sư phạm: Một nhiệm vụ cấp thiết hiện nay*. Tạp chí Giáo dục, số 220, tr 19-21.
- [3] Nông Quốc Chấn - Hoàng Tuấn Cư - Lò Giảng Páo (chủ biên, 1996). *Văn hoá và sự phát triển các dân tộc ở Việt Nam*. NXB Văn hoá dân tộc.
- [4] Nguyễn Quốc Chí - Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2012). *Đại cương khoa học quản lí*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Trần Thị Minh Huệ (2008). *Khảo sát hoạt động văn hóa nhằm giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho sinh viên các trường sư phạm miền núi vùng Đông Bắc*. Tạp chí Giáo dục, số 200, tr 58-60.